

Bản án số: 77/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2026.

Về việc: "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn và bà Nguyễn Thị Mên.

- Thư ký phiên tòa: Lương Thị Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 126/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh ngày: 27/08/1986; Căn cước công dân số: 030186004714 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày: 09/05/2021; Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã Đ, thành phố Hải Phòng; Hiện trú tại: thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tất T, sinh ngày: 04/07/1976; Căn cước công dân số: 030076019402 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày: 09/05/2021; Địa chỉ: thôn T, xã Đ, thành phố Hải Phòng.

(Chị H có đơn xin vắng mặt, anh T có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Tất T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Đ, thành phố Hải Phòng) vào ngày 26/11/2009 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng về sống chung với nhau cùng với gia đình anh T tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là thôn T, xã Đ, thành phố Hải Phòng). Thời gian

đầu, vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc, được 12 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, định hướng cuộc sống và tương lai khác nhau, kinh tế vợ chồng lại khó khăn, mỗi lần nói chuyện thường xảy ra cãi vã, vợ chồng không cùng quan điểm nên đời sống hôn nhân không có hạnh phúc. Anh T hay rượu chè, mỗi lần say rượu, anh T lại hành hạ chị cả thể xác lẫn tinh thần khiến sức chịu đựng của chị không thể cố thêm được nữa. Gia đình hai bên đã góp ý nhiều lần nhưng anh T không thay đổi khiến cuộc sống vợ chồng vô cùng mệt mỏi, nặng nề. Anh chị cũng nhiều lần ngồi nói chuyện nhưng cũng không hóa giải được mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng vợ chồng cũng không hàn gắn được. Đến khoảng tháng 02 năm 2026, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng ở nhờ và đưa con chung là cháu Nguyễn Tất A D về ở cùng. Vợ chồng ly thân từ đó tới nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tất T để sớm ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai, anh Nguyễn Tất T trình bày: Về điều kiện kết hôn, về cuộc sống chung của vợ chồng như chị H trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh trình bày, cách đây hơn một tháng, chị H lạnh nhạt, không quan tâm đến anh nữa. Chị H và cháu D về nhà mẹ đẻ ở nhờ và anh chị ly thân nhau từ đó. Anh vẫn còn tình cảm với chị H nên không muốn ly hôn và mong muốn Toà án hoà giải cho vợ chồng anh về ở với nhau để nuôi dạy con chung, để con chung có tình cảm của bố mẹ nhưng chị H kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do bận công việc, sức khoẻ không tốt nên anh xin vắng mặt tại phiên họp, phiên hoà giải, phiên toà và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh nhưng anh không ký tên vào Biên bản lấy lời khai của mình.

Về quan hệ con chung: Chị H và anh T đều trình bày, anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày: 28/08/2011 và Nguyễn Tất Anh D, sinh ngày: 04/11/2017. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, chị H vẫn nuôi dưỡng con Nguyễn Tất A D còn anh T vẫn nuôi dưỡng con Nguyễn Đỗ Bảo N. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D còn đề nghị Toà án giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Anh T đề nghị Toà án giao cho anh nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị H là giáo viên, đang dạy học tại trường Mầm non T2, lương và thu nhập của chị được 11.324.390 đồng/tháng, mẹ con chị có thể ở nhờ nhà của bố mẹ đẻ chị lâu dài còn anh T làm việc tại Công ty S, lương và thu nhập của anh được 10.235.000 đồng/tháng. Tại Biên bản lấy lời khai, cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ còn cháu N có nguyện vọng được ở với bố.

Về tài sản chung, chị H trình bày anh chị tự thoả thuận còn anh T trình bày không có, anh chị đều không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản riêng, về

các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên, chị H và anh T đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bà Lê Thị H1 là mẹ đẻ của chị H và bà Khương Thị T1 là mẹ đẻ của anh T trình bày, về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung của chị H và anh T như nội dung anh chị đã trình bày. Các bà trình bày, anh chị không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng đã sống ly thân, chị H ở với anh T rất khổ; bà T1 cho rằng chị H không có trách nhiệm với gia đình nhà chồng nên về quan hệ vợ chồng, hai bà đề nghị Tòa án giải quyết giải quyết theo pháp luật. Về con chung của anh chị, các bà đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung của anh chị, bà T1 không rõ, bà H1 trình bày không có, các bà đều đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Bà T1 đã trình bày nhưng lại từ chối ký tên trong Biên bản ghi lời khai của mình.

Theo Biên bản xác minh thể hiện: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tất T kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn vào năm 2009. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà anh T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã. Chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống một thời gian ngắn, sau đó, anh T lại đón chị H về nhà. Do vợ chồng có mâu thuẫn từ trước nên về ở với nhau vợ chồng hay xảy ra to tiếng. Đến giữa tháng 3/2026, chị H về hẳn nhà mẹ đẻ ở, anh T vẫn làm việc và sinh sống tại địa phương. Nay, chị H xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung, anh chị có hai con chung như anh chị và gia đình hai bên đã trình bày.

Chị H có đơn xin vắng mặt còn anh T có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh chị vẫn giữ nguyên quan điểm về quan hệ vợ chồng, con chung và tài sản chung, tài sản riêng và các nội dung khác như bản án đã nêu ở trên. Ngoài ra, anh chị không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tất T. Về quan hệ con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tất T có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày: 28/08/2011 và Nguyễn Tất Anh D, sinh ngày: 04/11/2017. Xử giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Tất Anh D, sinh ngày: 04/11/2017 còn giao cho anh T tiếp tục

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày: 28/08/2011, thời gian kể từ tháng 05/2026 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tất T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai và anh chị đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày hôm nay. Chị Đỗ Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh Nguyễn Tất T có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa trong Biên bản lấy lời khai của anh nhưng anh không ký tên trong Biên bản. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh T theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh T đều vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H và anh T theo quy định tại Điều 227; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tất T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Hải Phòng) vào ngày 26/11/2009 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc được nhiều năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, định hướng cuộc sống và tương lai khác nhau, kinh tế vợ chồng khó khăn. Anh T hay uống rượu và gây áp lực cho chị H về tinh thần và thể chất. Vợ chồng không thông cảm, chia sẻ được với nhau, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người ở một nơi và đã sống ly thân. Bản thân anh T cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau, anh chị đã sống ly thân. Anh mong muốn đoàn tụ nhưng lại xin vắng mặt, không đến Tòa án để Tòa án hoà giải cho anh chị, điều đó thể hiện anh T không có thiện chí để vợ chồng cải thiện quan hệ tình cảm. Gia đình hai bên cũng đã khuyên nhủ và hoà giải cho anh chị nhưng không thành. Nay, chị H vẫn xin ly hôn, anh T đề nghị giải quyết theo pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tất T là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tất T đều trình bày, anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày: 28/08/2011 và Nguyễn Tất Anh D, sinh ngày: 04/11/2017. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến

nay, chị H vẫn nuôi dưỡng con Nguyễn Tất A D còn anh T vẫn nuôi dưỡng con Nguyễn Đỗ Bảo N. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D còn đề nghị Toà án giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh T đề nghị Toà án giao cho anh nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị H là giáo viên, đang dạy học tại trường Mầm non T2, lương và thu nhập của chị được 11.324.390 đồng/tháng, mẹ con chị có thể ở nhờ nhà của bố mẹ đẻ chị lâu dài còn anh T làm việc tại Công ty S, lương và thu nhập của anh được 10.235.000 đồng/tháng. Tại biên bản lấy lời khai, cháu D có nguyện vọng ở với mẹ còn cháu N có nguyện vọng được ở với bố. Hội đồng xét xử thấy, chị H và anh T đều có nguyện vọng nuôi dưỡng các con là chính đáng, anh chị đều có công việc, chỗ ăn ở ổn định và thu nhập tốt, nguyện vọng của chị H phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung nhưng chị H và cháu D đều muốn cháu D ở với mẹ, cháu N muốn được ở với bố. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cho chị H nuôi dưỡng cháu D còn anh T nuôi dưỡng cháu N là phù hợp pháp luật, phù hợp với nguyện vọng chung của chị H và các con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung của anh chị được ổn định tâm lý, ổn định nơi ăn chốn ở, ổn định việc đi lại, học hành. Anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, chị Đỗ Thị H trình bày anh chị tự thỏa thuận còn anh Nguyễn Tất T trình bày không có, anh chị đều không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên, chị H và anh T đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Tất T nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp, chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ vợ chồng:* xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tất T.

2. *Về quan hệ con chung:* Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tất T có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày: 28/08/2011 và Nguyễn Tất Anh D, sinh ngày:

04/11/2017. Giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Tất Anh D, sinh ngày: 04/11/2017 còn giao cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày: 28/08/2011, thời gian kể từ tháng 05/2026 đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tất T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai và anh chị đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E số: 0002567 ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Tất T. Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh